TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít***: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2018/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2018, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST - DS, ngày 11 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1978 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Nhứt, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Mỹ Hạnh, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L cưới nhau vào năm 1997 trên cơ sở tìm hiểu quen biết trước, được gia đình chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 3 năm 1999. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Gia đình cha, mẹ hòa giải nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng có con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1998, đã thành niên, sức khỏe bình thường và hiện đang chung sống ông Thuận.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ vợ chồng: Ông T xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1998, đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động và tài sản tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà L biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của ông T, nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02 tháng 10 năm 2018, ngày 18 tháng 10 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn là loại quan hệ tranh chấp xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư tru tại huyện Mang Thít. Do đó Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo hợp lệ cho bà L việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của ông T, nhưng bà L không tham gia hoà giải. Vì thế đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28 tháng 01 năm 2019; ngày 27 tháng 02 năm 2019, mặt dù đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà L vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 3, mặc dù đã bàn giao văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà L là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà L cưới nhau năm 1997 trên cơ sở tìm hiểu, quen biết trước và được gia đình cha, mẹ hai bên chấp thuận tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long ngày 27 tháng 3 năm 1999 là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Xét, ông T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng cùng gia đình khắc phục, sửa chữa nhưng không thể hàn gắn lại được. Trong quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án, bà L không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa ông T, bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1998, là con chung của ông T, bà L đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động và tài sản tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Ông T không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Thuận nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T;

1.Xử cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L.

2.Về con chung: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1998, là con chung của ông T, bà L đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động và tài sản tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang

Thít, tỉnh Vĩnh Long, lai số: Nº 0006597, ngày 25 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn Nguyễn Hoàng Thuận không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự (nguyên đơn) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THA huyện;
- UBND phường 4, TPVL;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI DỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hồng Phúc